TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2024/DS-PT.
Ngày: 22 - 5 - 2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Vĩnh Yên

Ông Nguyễn Đình Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 307/2024/TLPT-DS ngày 01/12/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2024/QĐ-PT ngày 29/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2024/QĐ-PT ngày 29/3/2024 và Thông báo về việc dời thời gian mở phiên tòa số 322/TB.TA ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lê Thị A**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huy H2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 7, ấp 1, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2022).

- Bị đơn: **Bà Ngô Thị Mỹ H1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 700/35 đường H, Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Mỹ H3, sinh năm 1963;

Địa chỉ: 735/12, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 24, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Ngô Văn M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 721/14, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Ngô Văn H4, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 735/16, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: tổ 2, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Ngô Thị Mỹ T1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 721/12, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Ngô Văn L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 737/16, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

8. Ông Ngô Văn S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 735/16, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Ông Lê Huy H2 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022, bản tự khai, các biên bản làm việc, hòa giải, ý kiến về yêu cầu khởi kiện ngày 12/06/2023; nguyên đơn bà Lê Thị A có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huy H2 trình bày:

Ngày 26/3/2021 bà Lê Thị A cho bà Ngô Thị Mỹ H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày 26/3/2021 đến ngày 26/4/2021. Khi vay, bà H1 có đưa 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 105102 diện tích đất 212,6m^2 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai do ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Ngô Văn Tri (chết) và bà Lê Thị Tới (chết) ngày 13/9/2011 và 01 bản chính di chúc được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương, tỉnh Đồng Nai công chứng số 4092 quyển số 05/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2019 cho bà A giữ. Giữa bà A và bà H1 có lập (viết) trên giấy kẻ học sinh thể hiện nội dung mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất và bà H1 đưa sổ đỏ mang tên ông Ngô Văn Tri cho bà A giữ.

Ngoài ra, bà A còn là chủ hụi, ngày 01/3/2021 bà A có giao cho bà H1 số tiền 83.000.000 đồng tiền hụi, mỗi tháng bà H1 sẽ đóng 10.000.000 đồng, nhưng từ ngày giao tiền hụi thì bà H1 chưa đóng cho bà A tháng hụi nào.

Bà A có tham gia dây hụi do bà H1 là chủ hụi, dây hụi 2.000.000 đồng, tổng số tiền hụi bà A đã đóng cho bà H1 số tiền 32.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi bà H1 phải trả cho bà A là 115.000.000 đồng. Sau khi bà A thỏa thuận thống nhất với bà H1 thì số tiền bà H1 còn nợ hụi là 100.000.000 đồng.

Đã nhiều lần đòi bà H1 trả nợ nhưng bà H1 hẹn lần nên bà A (có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huy H2) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là buộc

bà H1 phải trả cho bà A số tiền nợ hụi 115.000.000 đồng cùng số tiền vay là 100.000.000 đồng cộng với lãi suất tạm tính từ ngày 27/04/2021 đến ngày 27/02/2022 là 22.500.000 đồng (Lãi suất 2,25%/tháng x 10 tháng) và tính lãi tiếp tục cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền bà A chỉ yêu cầu một mình bà H1 phải trả tiền nợ hụi và tiền vay, không yêu cầu ai khác và yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất 212,6m^2 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án.

- Theo bản tự khai ngày 13/5/2022, các biên bản làm việc, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị Mỹ H1 trình bày:

Bà H1 xác định ngày 26/3/2021 có vay của bà Lê Thị A số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng, sau khi vay bà H1 đóng được 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền 10.000.000 đồng thì không đóng nữa. Khi vay, bà H1 có đưa 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 105102 diện tích đất 212,6m^2 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N do UBND huyện N cấp cho ông Ngô Văn Tri (chết) và bà Lê Thị Tới (chết) ngày 13/9/2011 và 01 bản chính di chúc được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương, tỉnh Đồng Nai công chứng số 4092 quyển số 05/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2019 cho bà A giữ. Giữa bà A và bà có lập giấy thể hiện nội dung mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất và bà đưa sổ đỏ mang tên ông Ngô Văn Tri cho bà A (viết trên giấy kẻ học sinh).

Về tiền hụi thì bà có tham gia chơi hụi của bà A 01 chân hụi 10.000.000 đồng/tháng, bà hốt hụi được số tiền là 93.500.000 đồng và đã đóng hụi chết từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2021 với số tiền là 40.000.000 đồng. Bà còn thiếu bà A là 53.500.000 đồng. Bà có làm chủ hụi dây 2.000.000 đồng, bà A có tham gia và đã đóng cho bà được 09 tháng tiền hụi là 27.900.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi bà còn thiếu của bà A là 81.400.000 đồng. Sau khi trao đổi lại với phía bà A thì thống nhất xác định số tiền hụi bà còn thiếu bà A là 100.000.000 đồng.

Về nguồn gốc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N là của cha mẹ bà là ông Ngô Văn Tri và bà Lê Thị Tới. Cha bà có lập di chúc tặng cho bà thửa đất nói trên ngày 26/7/2019 nhưng bà chưa sang tên. Các anh chị em của bà đều đã được cha, mẹ tặng cho một thửa đất để cất nhà, theo bà các anh chị em của bà không liên quan đến phần đất này, đề nghị Tòa án không đưa các anh, chị em của bà vào tham gia tố tụng.

Việc bà A khởi kiện yêu cầu bà trả lại tiền hụi là 115.000.000 đồng cùng số tiền gốc vay 100.000.000 đồng thì bà chỉ đồng ý trả cho bà A 100.000.000 đồng tiền nợ hụi và 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, nhưng do hiện nay bà đang khó khăn nên sẽ trả trước 100.000.000 đồng tiền nợ vay cho bà A để lấy lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà làm thủ tục vay ngân hàng, sau đó bà sẽ trả tiếp tiền nợ hụi 100.000.000 đồng cho bà A. Riêng đối với việc yêu cầu lãi suất tạm tính từ ngày 27/04/2021 đến ngày 27/02/2022 là 22.500.000 đồng (Lãi suất 2,25%/tháng x 10 tháng) và tính lãi tiếp tục cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà đề nghị xem xét mức lãi suất theo quy định.

Bà xác định số tiền nợ hụi và tiền vay là nợ riêng của bà H1 đối với bà A, không liên quan gì đến chồng bà là ông Võ Thanh Bình. Bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà A nên đề nghị Tòa án không đưa ông Bình vào tham gia tố tụng.

Riêng đối với việc bà A yêu cầu xác định diện tích đất 212,6m^2 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 tọa lạc Thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án thì bà H1 không đồng ý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên:

1. Tại biên bản làm việc ngày 10/4/2023, bà Ngô Thị Mỹ H3 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N là của cha mẹ bà là ông Ngô Văn Tri và bà Lê Thị Tới, nhưng sau khi mẹ bà mất (năm 2018) thì cha bà có lập di chúc ngày 26/7/2019 tặng cho thửa đất nói trên cho bà Ngô Thị Mỹ H1 nhưng chưa sang tên cho bà H1.

Cha mẹ bà chung sống có tất cả 11 người con nhưng chết 02 người (chết từ lúc nhỏ) gồm bà Ngô Thị Mỹ H3, ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn H4, bà Ngô Thị Mỹ D, bà Ngô Thị Mỹ T1, ông Ngô Văn L, bà Ngô Thị Mỹ H1, ông Ngô Văn T (đã chết và có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng anh Ngô Văn S)

Đối với số tiền nợ hụi và tiền vay mà bà H1 còn nợ bà Lê Thị A, bà xác định đây là khoản nợ của bà H1, bà không có liên quan, cũng không có trách nhiệm gì đối với khoản nợ của bà H1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị Mỹ H1 phải trả cho bà A số tiền nợ hụi, tiền vay và đề nghị Tòa án xác định diện tích đất 212,6m^2 thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N là tài sản để đảm bảo việc thi hành án, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà H3 không có tranh chấp gì trong vụ án, cũng không có liên quan nên xin được vắng mặt trong quá trình giải Tòa án, bà cam đoan không có thắc mắc khiếu nại gì về sau.

2. Ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn H4, bà Ngô Thị Mỹ D, bà Ngô Thị Mỹ T1, ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn S: Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thực hiện niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng các ông , bà không đến tòa nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch căn cứ các Điều 26, 35, 147, 220, 264, 266, 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 122, 131, 463, 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A đối với bị đơn bà Ngô Thị Mỹ H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Ngô Thị Mỹ H1 trả cho bà Lê Thị A số tiền nợ hụi 100.000.000 đồng và số tiền vốn gốc vay 100.000.000 đồng cộng với tiền lãi suất tính đến

ngày xét xử sơ thẩm là 21.441.666 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 121.441.666 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu xác định diện tích đất 212,6m^2 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 tọa lạc Thị trấn H, huyện N là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án của bà Lê Thị A.

Buộc bà A phải có trách nhiệm giao trả lại cho bà Ngô Thị Mỹ H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 105102 diện tích đất 212,6m^2 thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N do UBND huyện N cấp cho ông Ngô Văn T (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết) ngày 13/9/2011 và bản chính di chúc được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương, tỉnh Đồng Nai công chứng số 4092 quyển số 05/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2019.

Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận là 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.900.000 đồng mà bà A (có đại diện là ông Lê Huy H2) đã nộp, hoàn trả lại cho bà Lê Thị A số tiền 4.850.000 đồng (bốn triệu tám trăm năm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0007561 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nhơn Trạch.

Bà Ngô Thị Mỹ H1 phải chịu 11.072.083 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án theo quy định.

- Ngày 08/7/2023 ông Lê Huy H2 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo sửa bản án sơ thẩm về tính lãi suất, và xác định diện tích xác định diện tích đất 212,6m^2 thửa số 248, tờ bản đồ số 62 tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông Lê Huy H2 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận.

Các đương sự đã thống nhất về nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ hụi 100.000.000 đồng, chỉ tranh chấp về tiền lãi và việc giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thi hành án.

Về lãi của khoản nợ vay 100.000.000 đồng, theo giấy vay tiền ngày 26/3/2021 ghi rõ thời hạn vay là trong vòng một tháng nhưng không đề cập đến lãi suất nên không thể xác định khoản vay có lãi, lời khai hai đương sự không thống nhất mức lãi suất. Các bên có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định mức lãi bằng 50% mức lãi tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tức 10%/tháng. Kể cả trong trường hợp vay có thời hạn và không có lãi, khi đến hạn bên vay không trả nợ thì bên vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468, cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi 10% năm là đúng quy định Pháp luật.

Việc yêu cầu giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án đối với diện tích đất 212,6m^2 thửa số 248, tờ bản đồ số 62, thị trấn H, huyện N do cha, mẹ bà H1 đứng tên là không đúng quy định của pháp luật. Giao dịch vô hiệu do vi phạm về hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 117, Điều 122, Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, cấp sơ thẩm buộc trả lại bà H1 là có căn cứ pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Huy H2 (người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị A), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Huy H2 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 17/5/2024 ông Lê Huy H2 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[1.1] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị A khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Mỹ H1 phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm và số tiền nợ hụi 115.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền bà A chỉ yêu cầu bà H1 trả tiền nợ hụi và tiền vay, xác định diện tích đất 212,6m^2 thửa số 248, tờ bản đồ số 62 thị trấn H, huyện N là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án.

Bà Ngô Thị Mỹ H1 đồng ý trả cho bà A 100.000.000 đồng tiền nợ hụi và 100.000.000 đồng tiền nợ vay, nhưng do hiện nay bà đang khó khăn nên sẽ trả trước 100.000.000 đồng tiền nợ vay cho bà A để lấy lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà làm thủ tục vay ngân hàng, sau đó bà sẽ trả tiếp tiền nợ hụi 100.000.000 đồng cho bà A. Riêng đối với yêu cầu tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm bà đề nghị xem xét theo quy định.

[2.1] Tại giấy vay tiền ngày 26/3/2021 thể hiện bà Ngô Thị Mỹ H1 có vay của bà Lê Thị A số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 26/4/2021, thỏa thuận không có lãi suất. Bà H1 có đưa 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 105102 diện tích đất 212,6m^2 thửa số 248, tờ bản đồ số 62, thị trấn H, huyện N, Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp cho ông Ngô Văn Tri (chết) và bà Lê Thị Tới (chết) ngày 13/9/2011 và 01 bản chính di chúc được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương, tỉnh Đồng Nai công chứng số 4092 quyển số 05/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2019 cho bà A giữ để làm tin (BL 5, 6, 8, 9).

Từ lúc vay đến nay, bà H1 chưa trả vốn gốc cho bà A, bà A và bà H1 đã thống nhất thuộc trường hợp các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy

định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, nên cần buộc bà H1 phải trả lại cho bà A số tiền 100.000.000 đồng vốn gốc là có căn cứ (BL 32 - 35).

[2.2] Ngày 01/3/2021, bà A có giao cho bà H1 số tiền 83.000.000 đồng tiền hụi (phần hụi do bà A làm chủ), mỗi tháng bà H1 sẽ đóng 10.000.000 đồng, nhưng từ ngày giao tiền hụi thì bà H1 chưa đóng cho bà A. Bà A có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng do bà H1 làm chủ, tổng số tiền hụi bà A đã đóng cho bà H1 32.000.000 đồng. Bà H1, bà A đều thừa nhận có tham gia chơi hụi với nhau nên thuộc trường hợp các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà A trình bày tổng số tiền hụi bà H1 nợ là 115.000.000 đồng, bà H1 cho rằng chỉ còn nợ bà A 81.400.000 đồng, qua thỏa thuận bà A và bà H1 thống nhất bà H1 còn nợ bà A 100.000.000 đồng được ông Hùng (người đại diện theo ủy quyền của bà A) thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2022, tiền nợ hụi của bà H1 với bà A 100.000.000 đồng (BL 34).

[2.3] Về lãi suất theo giấy mượn tiền lập ngày 26/3/2021, các bên thừa nhận trước đó không thỏa thuận lãi suất, bà H1 cho rằng các bên thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 5%/tháng, sau khi vay bà H1 đóng được 02 tháng tiền lãi 10.000.000 đồng nhưng không được bà A thừa nhận, bà H1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Bà A (có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Huy H2) yêu cầu bà H1 phải trả tiền lãi suất tạm tính của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 27/04/2021 đến ngày 27/02/2022 là 22.500.000 đồng (lãi suất 2,25%/tháng x 10 tháng) là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận một phần 100.000.000đ x 0,83/tháng x 25 tháng 25 ngày (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) = 21.441.666 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu xác định diện tích đất 212,6m^2 thửa số 248, tờ bản đồ số 62 tại thị trấn H, huyện N là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án. Nội dung thỏa thuận giữa bà A và bà H1 về việc đưa sổ đỏ, bản chính di chúc cho bà A để làm tin cho việc vay nợ, nên không là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án phù hợp quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà A phải trả lại cho bà H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 105102 ngày 13/9/2011 Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Ngô Văn Tri (chết) và bà Lê Thị Tới (chết) và bản chính di chúc được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương, tỉnh Đồng Nai công chứng số 4092 quyển số 05/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2019.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A không còn có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp, nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bà Lê Thị A không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Áp dụng Điều 122, Điều 131, Điều 463, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị A.

Buộc bà Ngô Thị Mỹ H1 phải trả cho bà Lê Thị A số tiền nợ hụi 100.000.000 đồng và tổng tiền nợ vay 121.441.666 đồng, trong đó tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 21.441.666 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu xác định diện tích đất 212,6m^2 thửa số 248, tờ bản đồ số 62 tại Thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai là tài sản đảm bảo cho việc thi hành án của bà Lê Thị A.

Buộc bà Lê Thị A phải có trách nhiệm giao trả lại cho bà Ngô Thị Mỹ H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 105102 ngày 13/9/2011 Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Ngô Văn Tri (chết) và bà Lê Thị Tới (chết) và bản chính di chúc được Văn phòng công chứng Phan Thiên Dương, tỉnh Đồng Nai công chứng số 4092 quyển số 05/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 26/7/2019.

Về án phí: Bà Lê Thị A phải chịu 1.050.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.900.000 đồng bà A (có đại diện là ông Lê Huy H2) đã nộp, hoàn trả lại cho bà Lê Thị A số tiền 4.850.000 đồng (bốn triệu tám trăm năm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0007561 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Bà Ngô Thị Mỹ H1 phải chịu 11.072.083 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm bà A (có đại diện là ông Lê Huy H2) đã nộp tại biên lai số 0007561 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch được tính trừ án phí phúc thẩm bà A phải chịu, bà A đã nộp đủ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Long Châu